

TOÁN TUẦN 1

Câu 1. Số liền trước của số 180 là:

- A. 181 B. 182 C. 179 D. 79

Câu 2. Cho các số sau : 324, 333, 234, 342, 432. Dãy số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 324, 333, 342, 432, 234. B. 234, 324, 333, 342, 432.

- C. 324, 342, 432, 234, 333. D. 234, 342, 432, 324, 333.

Câu 3. Cho $148 < \dots < 152$. Số tròn chục thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 151 B. 150 C. 149 D. 160

Câu 4. Số gồm 5 chục, 4 trăm và 2 đơn vị viết là:

- A. 542 B. 452 C. 425 D. 524

Câu 5. Số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 998 B. 986 C. 978 D. 900

Câu 6. Từ ba số 4, 1, 9 lập được số có ba chữ số khác nhau là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 7. Số “Tám trăm tám mươi tư” viết là:

- A. 804 B. 844 C. 488 D. 884

Câu 8. Có ba con lợn với số cân lần lượt là : 125 kg, 129 kg, 152 kg. Biết con lợn đen nặng nhất, con lợn trắng nhẹ hơn con lợn khoang.

- A. Con lợn đen nặng kg.
B. Con lợn trắng nặng kg.
C. Con lợn khoang nặng kg.

Câu 9: Tính:

$$423 + 186 =$$

$$317 + 215 =$$

$$826 - 392 =$$

$$781 - 326 =$$

Câu 10. Tìm số thích hợp điền vào dấu hỏi chấm(?):

a) $3 \times \quad = 12$

b) $15 : \quad = 3$

c) $\quad : 3 = 15 - 12$

d) $12 + \quad = 48 - 12$

Câu 11: Ở một trường tiểu học, khối lớp Một có 234 học sinh và nhiều hơn khối Hai 19 học sinh.

a) Khối lớp Hai có bao nhiêu học sinh?

- **Trả lời:** Khối lớp Hai cóhọc sinh

b) Khối lớp Một và khối lớp Hai trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh?

- **Trả lời:** Khối lớp Một và khối lớp Hai có tất cảhọc sinh.